

TRANH DÂN GIAN LÀNG SINH: SỰ GIAO THOA VĂN HÓA GIỮA TRUYỀN THỐNG VÀ HIỆN ĐẠI

● Dương Thị Nhung*

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

TÓM TẮT

Tranh dân gian Việt Nam đã có lịch sử rất lâu đời dù đến nay có phần giảm sút nhưng vẫn còn được giữ gìn và bảo tồn ở một số làng nghề và gia đình có tâm huyết. Cùng với lịch sử của tranh dân gian Việt Nam, tranh dân gian làng Sinh trải qua hàng trăm năm với nhiều biến động nhưng vẫn tồn tại và đáp ứng được nhu cầu thị hiếu của người dân không chỉ ở Huế mà còn nhận được nhiều quan tâm rộng rãi từ khắp cả nước. Tranh Sinh là dòng tranh thờ cúng mang nhiều nội dung, quy trình sản xuất, chế biến nguyên liệu đã có nhiều nét biến đổi so với sản xuất truyền thống trước kia. Dưới góc nhìn đối sánh với các dòng tranh dân gian ở miền Bắc Việt Nam, tranh làng Sinh có những nét đặc trưng riêng biệt trộn lẫn giữa truyền thống và hiện đại tạo nên nhiều sự thay đổi mới mẻ về ý nghĩa cũng như chất liệu, thu hút sự chú ý của người dân thập phương và cả khách du lịch nước ngoài khi đến tham quan.

Từ khóa: tranh dân gian, làng nghề, biến đổi, thờ cúng, truyền thống

SINH VILLAGES FOLK PAINTINGS - THE CROSS-CULTURAL COMMUNICATION BETWEEN TRADITION AND MODERNITY

● Dương Thị Nhung

ABSTRACT

Although Vietnamese folk paintings have a very long precious history, they have been partly reduced in some cases. However, they are still being preserved and maintained in some craft villages and families with enthusiasm. Along with the history of Vietnamese folk paintings, the folk paintings of Sinh village has been going on for hundreds of years with many changes which still exists and satisfies people's passion in Hue and other cities. Nowadays, The Sinh paintings is a kind of worship paintings with rich contents, diverse production processes and various materials has many changes which compared to the previous traditional production. Comparing with the folk paintings in Northern of Vietnam, thanks to blending traditional and modern factors, The Sinh paintings have unique features that create many new changes in meaning and material which are attracting the attention of the locals and foreign tourists when visiting

Keywords: folk painting, craft villages, change, worship, tradition

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1. Huế từng được xem là thủ phủ của xứ Đàng Trong, và sau đó là kinh đô của một quốc gia thống nhất, nên với vai trò đó, Huế chính là mảnh đất màu mỡ cho việc sản sinh ra những làng nghề

* Tác giả liên hệ: Dương Thị Nhung, Email: dt Nhung@hueuni.edu.vn

(Ngày nhận bài: 1/11/2022; Ngày nhận lại bản sửa: 10/11/2022; Ngày duyệt đăng: 25/11/2022)

thủ công truyền thống đáp ứng nhu cầu cuộc sống nơi đây. Các làng nghề thủ công truyền thống ở Huế ra đời vừa mở ra cơ hội cho người dân trong sản xuất vừa là cơ hội cho việc bảo lưu, mở rộng ngành nghề, lưu giữ những nét bản sắc vốn có của làng nghề thủ công truyền thống trên địa bàn làng xã. Tuy nhiên, sự biến động của lịch sử, xã hội với những tác động nhất định đã tạo nên sự ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển của các nghề thủ công truyền thống Huế trên nhiều phương diện, từ nhu cầu, thị trường đến lực lượng sản xuất... cùng với một số tồn tại khó khăn trong quá trình phát triển dẫn đến nguy cơ biến mất hoặc biến đổi theo một chiều hướng bất lợi khác của các làng nghề thủ công truyền thống Huế.

1.2. Ngành nghề thủ công truyền thống giữ một vị trí khá quan trọng trong đời sống tâm linh, tín ngưỡng và văn hóa của người dân xứ Huế, chính những sản phẩm thủ công ấy là một thức ăn tinh thần không thể thiếu cho đời sống tinh thần người dân nơi đây. Bên cạnh một số làng nghề thủ công truyền thống đáp ứng cho nhu cầu ấy như làng nghề hoa giấy Thanh Tiên, nghề làm trướng - liễn - câu đối làng Chuồn (hiện đã mất), nghề tranh gương, nghề làm gốm... thì tranh làng Sình là một trong số những làng nghề truyền thống mà đến hiện nay vẫn giữ được vai trò đó. Mặt khác, Huế vốn là nơi còn lưu giữ khá đậm những nét văn hóa truyền thống của vùng đất qua quá trình giao lưu, tiếp biến và tích hợp, từ đó đã tạo nên những đặc trưng riêng trong đời sống tâm linh và tôn giáo, ảnh hưởng rất lớn và xuyên suốt trong cuộc sống hàng ngày của mỗi người. Sự trường tồn của tín ngưỡng dân gian, tôn giáo làm cho vấn đề tâm linh, tín ngưỡng được chú trọng, củng cố, đưa đến nhu cầu sử dụng sản phẩm thủ công thờ cúng theo niềm tin của mỗi người dân tất yếu sẽ diễn ra mạnh mẽ hơn trong đời sống kinh tế phát triển.

1.3. Trong xu thế chung của sự phát triển văn hoá - xã hội, tranh dân gian làng Sình đã làm tốt vai trò đó, nó không chỉ là sản phẩm của riêng vùng Huế mà đã lan rộng ra cả một miền Trung rộng lớn. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, tranh làng Sình đã thích ứng được với sự thay đổi của xã hội, của cuộc sống, của thời cuộc và từ sự thích ứng đó dẫn đến những nét biến đổi trong mọi mặt như: đề tài, chất liệu, nhu cầu... và đặc biệt là trong văn hóa tín ngưỡng. Cho nên, khi đặt trong mối quan hệ giữa nghề thủ công truyền thống với nhu cầu tâm linh tín ngưỡng của cộng đồng trước xu thế phát triển ngày càng đi lên của xã hội, mới thấy được sức sống tồn tại lâu bền của nó với nhiệm vụ thích ứng, nhưng đồng thời cũng chuyển mình biến đổi để làm mới, để thích nghi và để phát triển làng nghề theo những hướng đi tích cực hơn trong mọi mặt.

1.4. Từ những vấn đề trên, bài viết chú trọng giải quyết những vấn đề: Sự ra đời và phát triển của tranh dân gian làng Sình; tín ngưỡng - chức năng chính yếu của tranh dân gian làng Sình; sự giao thoa văn hóa: thích ứng và biến đổi của một làng nghề thủ công truyền thống trong bối cảnh hiện đại... để làm rõ sức sống của nghề thủ công truyền thống khi gắn với đời sống văn hóa tín ngưỡng cộng đồng cư dân cũng như sự thích ứng và biến đổi của nó chính là sinh lộ lẫn cơ hội cho việc bảo lưu những giá trị văn hóa làng nghề tranh dân gian làng Sình.

2. SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRANH DÂN GIAN LÀNG SÌNH

Khi các chúa Nguyễn chọn Đàng Trong làm nơi trú địa, thể hiện sự tồn tại độc lập của mình thì cũng bắt đầu từ đó một loạt các ngành nghề thủ công cũng được tổ chức ra đời bên cạnh những ngành nghề vốn đã gắn chặt với cuộc sống thường nhật của người dân nơi đây. Nhu cầu sử dụng các sản phẩm từ nghề thủ công vốn có lâu đời của cư dân nông nghiệp đã khiến các nghề thủ công truyền thống có điều kiện phát triển. THuế đã xuất hiện một số làng nghề mà sản phẩm của nó đã bước đầu cung cấp cho nhu cầu sinh hoạt của cư dân trên một địa bàn rộng lớn như nghề tranh giấy Lại Ân, nghề nón Triều Sơn, nghề hoa giấy Thanh Tiên, nghề thau thiếc Mậu Tài...

Cho đến nay vẫn chưa tìm được một văn bản nào đề cập đến thời điểm xuất hiện nghề tranh làng Sình, nhưng nhu cầu về hàng mã trong đó có thể loại tranh thờ của người Việt - là rất cao. Hành

trang của những con người đi mở cõi chắc chắn sẽ có những tập tục, những sinh hoạt gắn với làng gốc của mình, và cả sự hoài nhớ về tổ tiên, dòng tộc. Trong quá trình Nam tiến, vùng Hóa Châu trong ý nghĩ cũng như trong thực tế với họ là nơi “Ô Châu ác địa” mà “lòng quả cảm cũng không thể nào trấn an được con người”. Vì thế, để có thể tồn tại được, họ cần đến một lực lượng khác là thần linh. Việc thờ cúng các vị thần, cầu mong sự phù hộ là bùa hộ mệnh không thể thiếu trong cuộc sống. Trong điều kiện giao thông lúc bấy giờ, việc vận chuyển những món hàng mã từ những làng tranh phía Bắc (chủ yếu là tranh Đông Hồ) vào vùng Hóa Châu hết sức khó khăn, nên đòi hỏi phải có một làng xã nào đó ở xứ Thuận Hóa đảm nhận vai trò này.

Làng Sinh có một vị trí địa lý khá thuận lợi nằm ở ngã ba sông trên con đường thủy, phương tiện giao thông phổ biến, thông dụng và đem lại lợi ích lớn nhất lúc bấy giờ. Làng Lại Ân có tên nôm là Sinh, một trong những ngôi làng hình thành khá sớm ở xứ Đàng Trong, cách trung tâm thành phố Huế khoảng 7 km, làng có diện tích là 2,5km², thuộc xã Phú Mậu huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. Dân số hiện nay khoảng hơn 1.500 người với gần 200 hộ gia đình chia làm 13 xóm và 3 giáp. Từ trung tâm thành phố Huế, xuôi theo dòng Hương khoảng 7km, đến ngã ba nơi gặp gỡ của hai nhánh sông khởi nguồn từ sông Hương và sông Bồ, làng Lại Ân cùng với làng Thanh Tú, Tiên Nộn đã tạo nên thế chân kiềng vững chắc một vùng đất “thủy phúc nhân tình” nổi danh với khu cảng thị “Thanh Hà cảng, Bao Vinh phố”. “Sông do hai nguồn Kim Trà, Đan Điền đổ đến (phân hạ lưu sông Linh Giang/sông Hương) rộng và vô hạn khuất khúc hữu tình. Phía Tây Nam có đền Tứ Vị, trạm Địa Linh, phía Đông Bắc có chùa Sùng Hóa, bia Hoàng Phúc, huyện nha, phủ thư nằm đối nhau ở hai bên tả hữu. Tòa thành Thuận Hoá khóa chặt lấy thủy khẩu; còn như xóm hoa, nội biếc, đất tốt, dân đông, chợ nọ, cầu kia, vật hoa người quý đều la liệt ở hai bờ Nam Bắc...” [1, tr4]. Địa danh Sinh được mọi người biết đến không chỉ là một trong những làng xã được thành lập sớm của xứ Thuận Hóa mà còn nổi tiếng với nghề sản xuất tranh tìn ngưỡn, thờ cúng.

Bên cạnh đó, sự kề cận một cảng thị buôn bán lớn của xứ Đàng Trong là Thanh Hà đã có những ảnh hưởng nhất định đến sự hình thành các làng vệ tinh mà Sinh là một ví dụ cụ thể. Những làng nghề kế cận như Lại Ân, Thanh Tiên, Tiên Nộn, Mậu Tài... chủ yếu hình thành từ sự thu hút của khu cảng thị Thanh Hà - Bao Vinh, tạo thành những vệ tinh mà sức lan tỏa của nó ra khắp Trung Bộ.

Trải qua quá trình tồn tại và phát triển, nghề tranh làng Sinh có nhiều tên gọi khác nhau mà mỗi tên gọi thường phản ánh những đặc trưng hoặc của nghề thủ công này hoặc về ngôi làng ở ngã ba sông này “*nghề giấy*”, “*nghề bồi*”, “*nghề hồ điệp*”, “*nghề tranh*”, “*nghề Sinh*”. Trong làng có các nghệ nhân vẽ màu tranh, khắc ván in nổi tiếng như ông Phạm Thiềng, Trần Cửu Lợi, Phan Phiếm... [1, tr20]. Trong làng, sự phân hóa các lớp người trở nên tất yếu, hình thành những bộ phận chuyên biệt trong hệ thống giấy chuyên sản xuất tranh: chủ bồi, tự bồi, con bồi (bồi thuê), những người khai thác nguyên liệu, những người bán tranh... “*Chủ bồi*” là những người bỏ vốn ra thuê người khác in tranh, trong làng họ chiếm thiểu số. “*Tự bồi*” là những người trực tiếp đứng ra tổ chức sản xuất tranh, họ tạo thành tầng lớp đông nhất trong làng làm nghề bồi. “*Con bồi*” là những người làm thuê cho các chủ bồi, hoặc bỏ sức ra đi khai thác nguyên liệu về bán lại cho các chủ bồi, vai trò của tầng lớp này cũng khá quan trọng bởi đây là một công việc cần nhiều sức lực và để khai thác được nguyên liệu họ phải đi rất xa, về rằm Đá Bạc cào điệp, lên rừng bẻ đung, đào gốc vang... Một tầng lớp nữa được tạo nên từ những người chuyên mua tranh của các chủ bồi, tự bồi đi bán là “*thương bồi*”... Nhưng dù là chủ bồi hay con bồi, họ có những đóng góp rất lớn trong việc phát triển nghề tranh cũng như hình thành nên ý thức tôn trọng về nghề và tự hào về làng trong mọi người dân làng Sinh [2].

Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng trong quy luật phát triển chung, nghề Bồi cũng như làng Sinh không thể tránh khỏi những tác động tiêu cực của điều kiện khách quan và nội tại như sự khan hiếm

về nguyên liệu, biến động về dân cư, mất mùa, chiến tranh và nhất là sự bão hòa của thị trường và sự bùng nổ của các loại đồ thờ khác nhau như tranh gương, tranh nhựa, tranh khảm, giấy tiền vàng, đồ mã... Sau ngày đất nước thống nhất, tranh làng Sinh bị xem là văn hóa phẩm dị đoan tiếp tay cho những hình thức mê tín. Thế nên, nghề tranh bị cấm đoán, ván khắc bị thu hồi, đốt phá, dân cư phiêu tán bỏ nghề bỏ làng ra đi hoặc chuyển sang hành nghề khác có thu nhập cao hơn. Mặt khác, đời sống dân trí được nâng cao làm thay đổi cách nhìn lẫn cách nghĩ, hình thành những quan điểm mới về vấn đề tín ngưỡng và đạo thờ cúng... Khi đất nước tiến hành công cuộc đổi mới, cũng như bao làng nghề khác được hồi sinh, nghề tranh làng Sinh cũng có cơ hội phục hồi.

3. ĐÁP ỨNG NHU CẦU TÍN NGƯỠNG - CHỨC NĂNG CHÍNH CỦA TRANH DÂN GIAN LÀNG SINH

Được hình thành và phát triển trên một vùng đất mang đậm sắc màu tín ngưỡng dân gian, tranh làng Sinh có nhiệm vụ rất thiết thực trong việc đáp ứng nhu cầu thờ cúng không chỉ đối với cư dân Thuận Hóa mà cả vùng Trung Bộ.

Chức năng chính của tranh làng Sinh là phục vụ hoạt động tín ngưỡng. Nói như vậy không có nghĩa là xem nhẹ những giá trị thẩm mỹ của tranh làng Sinh. Ngược lại yếu tố thẩm mỹ là một giá trị bổ trợ không thể thiếu, làm tôn lên ý tưởng, tâm tư, nguyện vọng, khát khao của các nghệ nhân làm tranh cũng như người sử dụng tranh.

Có thể nói, tự thân tranh làng Sinh đã cho chúng ta những cảm nhận nhất định về hệ thống tín niệm dân gian. Thờ cúng từ lâu đã trở thành một biểu hiện của phong tục, đạo đức và pháp lệ. Điều đó thể hiện trong tranh làng Sinh qua sự chần chừ trong từng nét vẽ, tính trang nghiêm, tôn trọng của mỗi tờ tranh. Đối với tranh làng Sinh, dấu ấn để lại trong đời sống văn hóa tín ngưỡng cư dân vùng Huế đó chính là đôi tượng tranh được làm ra với các nhóm chính: Tranh nhân vật: tượng Bà với các mẫu tượng Đệ, tượng Chùa và tượng Ngang được dán quanh năm trên bàn thờ. Loại con ảnh vẽ hình đàn ông hay đàn bà còn gọi là ảnh Xiêm và ảnh trẻ nam, nữ. Loại ảnh ông Tra Điều, ông Đốc và Tờ Bếp... được đốt đi sau khi cúng. Tranh đồ vật vẽ các thứ áo, tiền và dụng cụ để đốt cho người cõi âm: áo ông, áo bà, áo binh, tiền, cung tên, dụng cụ gia đình... thường là tranh cỡ nhỏ. Tranh súc vật (gia súc, voi, còp và 12 con giáp) để đốt cho người chết.

Tranh bếp gắn với việc thờ cúng táo quân. Táo Ông vừa được thờ ở trang ông chính giữa nhà, vừa được thờ ở bếp. Theo tục lệ, hàng năm đến ngày 23 tháng chạp âm lịch, gia chủ làm lễ cúng tiễn đưa Ông Táo về châu Ngọc Hoàng. Ngoài đồ mã (gồm 3 bộ áo quần dài, 3 con cá chép, 3 cái hia, 1 chiếc nón quai thao, 2 chiếc mũ cánh chuồn) còn có tranh thờ. Tranh thờ bao gồm 1 tờ “bếp”, bộ ba tờ “áo binh”, 1 tờ “ngựa bay” và 100 quan tiền. Xét trên góc độ mỹ thuật, mảng bố cục chính của “tờ bếp” là hình ảnh ba vị Táo Quân nổi lên ở giữa như “ba ngọn lửa thiêng”. Xung quanh là những sản phẩm mà gia chủ làm ra được sắp xếp theo bố cục đối xứng, tuần tự theo nội dung của một “bản báo cáo” mà ba vị Thổ Công sẽ trình lên Ngọc Hoàng. Bố cục nội dung của tờ bếp, muốn thể hiện sự tôn kính cũng như tầm quan trọng của ba vị thổ thần đối với gia chủ qua hình ảnh ba vị Táo Quân tư thế trang nghiêm.

Tranh thế mạng gắn với lễ cầu an. Xuất phát từ quan niệm linh hồn và thể xác đến sự tồn tại thế giới thần linh bên ngoài trong đó có những người thân đã khuất với những quyền năng nhất định chi phối đến cuộc sống thực tại buộc nhân thế phải có những cách ứng xử thích ứng: thờ cúng, hiến tế cầu an. Dân gian cho rằng, người chết vì thương con, nhớ cháu muốn bắt những người hạp với “căn” mình (trong tộc), hay những đứa bé chết lúc chưa hoặc mới sinh trở thành ma “con ranh” thường trở về quấy phá người sống nên dùng tranh “con ảnh” như một hình thức thế mạng cho người sống. Bởi thế bộ tranh thế mạng gắn chặt với lễ cầu an trong các gia đình, cho ông bà “sống khôn chết thiêng”, cho con trẻ “hữu vị vô danh” không cảm thấy bị bỏ rơi, hay chịu cảnh vô gia cư.

Sau lễ cúng, bao giờ chúng cũng được đốt đi, theo quan niệm dân gian lá để người âm có thể nhận lấy.

Tranh tượng Bà gắn với tục cúng trừ giải bệnh tật, ốm đau và sinh đẻ. Trong dân gian Huế quan niệm rằng đối với nữ giới có một vị thần bảo hộ riêng, đó là Tây Cung Vương Mẫu (hay còn được gọi là Đoàn Cung Thánh Mẫu), một tập hợp các vị thần “bốn mạng” cho nữ giới. Mọi phụ nữ, từ khi bé cho đến khi về già, trước khi ra lão đều thờ “*tràng Bà*”, người trông coi 12 mạng (12 con giáp). Khác với những tờ tranh thể mạng, tranh “*tượng Bà*” sau khi cúng xong được thờ ở vị trí cao của gian tả ngôi nhà, quay về hướng Tây (Tây cung), để hàng đêm khi dâng hương đối diện với “*Bà*” họ luôn cảm thấy được tẩy rửa, được che chở, phù hộ. Tuy nhiên, khi phát nguyện thờ thì phải căn cứ vào tuổi của mình để chọn tranh thờ thích hợp. Cụ thể là ứng theo tuổi trong 12 con giáp mà thờ tranh có hình dạng Bà Ngự như thế nào và có bao nhiêu thị nữ đứng hầu (2, 4, 6, 8, 10 hay 12 người). Trong tranh làng Sinh, hình ảnh “*Bà*” cưỡi trên một con voi tư thế phục chứng tỏ uy lực của “*Bà*” đối với “*bốn mạng*”, vì thế có tên gọi là “*tượng Voi*”, “*tượng Chùa*”... Cũng có lúc bà ngự trên một đài cao gọi là “*tượng Đế*”, hai bên luôn có Kim Đồng và Ngọc Nữ đứng hầu. Bà ngự trên voi là để kiểm soát, bảo vệ “*mạng*” cho người đó. Nếu đàn bà thờ “*tràng Bà*” thì đàn ông thờ “*tràng Ông*”. Tờ “*tràng Ông*” có vai trò khá quan trọng: cúng thần bảo hộ ngôi nhà thần Đất (trong lễ tạ thổ ký yên) và thần Nghề nghiệp. Dân gian Huế quan niệm rằng, trong mỗi nhà có chủ (người đàn ông) tức là có các vị thần chủ trì. Bàn thờ *tràng ông* ở chính giữa nhà (bên trên mặt sau hoặc trước bàn thờ gia tiên).

Tranh áo Bà, áo Ông, áo Binh và ông Cọp (hổ) gắn với tín ngưỡng của những người đi biển, đi rừng. Trong tín ngưỡng truyền thống, tục xăm trên mình những hình ảnh con Giao Long, Rồng... ở những người đi biển luôn được coi trọng. Ngày nay, tục đó được thay thế một phần bởi những tờ tranh “áo Ông”, “áo Bà”, “áo binh”... Đây là những sản phẩm tranh làng Sinh được người đi biển dùng để cầu an cho mình trước để đe dọa biển cả, sóng cao, gió lớn. Tranh “ông Cọp”, “áo Binh” cúng “Ông” để khi đi rừng không gặp nguy hiểm. Hình ảnh “áo Ông”, “áo Bà” nói lên niềm tự hào của những người con dân Việt về tổ tiên: Rồng, Phượng, trong ý nghĩa tạo dựng một niềm tin, một sức mạnh để có thể vững bước trước mọi sự đe dọa của tự nhiên. Thực ra xét về bản chất đây cũng là một hình thức thể mạng: cúng cho thần rừng, thần biển để được phù hộ, tai qua nạn khỏi khi đi rừng, đi biển.

Bộ tranh động vật gắn với lễ giải hạn cho các vật nuôi. Quan niệm linh hồn không chỉ dừng lại ở con người mà cả đối với các loài động vật, nhất là vật nuôi. Các con vật nuôi trong gia đình có “ông chủ” cai quản, “bà chủ” canh giữ, nên khi xảy ra dịch bệnh, đau ốm phải cúng ông bà chủ để được tai qua nạn khỏi, mau ăn chóng lớn. Tranh thường được dùng trong lễ cúng đầu năm, ngoài “con Ấnh” cho vật nuôi như tranh lợn, trâu, bò, gà, vịt, chó còn có thêm tiền giấy, áo binh cho ông bà chủ [3].

4. SỰ GIAO THOA VĂN HÓA: THÍCH ỨNG VÀ BIẾN ĐỔI CỦA MỘT LÀNG NGHỀ THỦ CÔNG TRUYỀN THỐNG TRONG BỐI CẢNH HIỆN ĐẠI

Tranh làng Sinh trong suốt quá trình tồn tại và phát triển, không bị cạnh tranh bởi một làng nghề nào tương tự. Đó cũng là điều kiện thuận lợi cho tranh làng Sinh trong quá trình tồn tại và sự mở rộng về mặt thị trường ra cả vùng Trung Trung Bộ ở nửa sau thế kỷ XVIII, XIX. Trải qua quá trình tồn tại và phát triển, nghề tranh làng Sinh còn được đánh dấu bởi sự trưởng thành của tầng lớp nghệ nhân.

Xét về sự tồn tại lâu bền của nghề tranh làng Sinh chúng ta cần khẳng định rằng, sự tồn tại đó chính là sự thích ứng rất hòa hợp với mọi mặt của cuộc sống. Sự thích ứng của tranh làng Sinh luôn tạo nên nét riêng trong từng đường nét so với các dòng tranh khác. Nó được biểu hiện trên nhiều

phương diện khác nhau. Đó là sự thích ứng với nhu cầu tâm linh của người dân không chỉ trong làng mà còn ngoài làng, ngoài tỉnh, mở rộng ra trên khắp dải đất miền Trung như: Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Phú Yên... Đó cũng là sự thích ứng với xu thế phát triển của thời đại nhưng vẫn coi trọng tín ngưỡng, là sự thích ứng với nhu cầu cuộc sống với mong muốn kiếm thêm thu nhập.

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển chung, tranh làng Sinh cũng biến đổi để phù hợp với thời cuộc, với xã hội hiện đại, với nhu cầu của con người... Sự biến đổi đó được thể hiện cụ thể trên các mặt như:

- Về *quy trình*, trong đó có kỹ thuật và nguyên liệu, từ việc sáng tác mẫu tranh, khắc ván đến sáng tạo ra loại bút vẽ được làm từ rễ cây dứa dại có thời gian sử dụng lâu dài hơn, hay chú trọng tỉ mỉ vào việc chế tác các màu sắc có nguyên liệu từ tự nhiên và giấy dó được quét hồ điệp;

- Về *chức năng và đề tài thể hiện*, ngoài chức năng thờ cúng thì tranh làng Sinh hiện nay còn có chức năng trang trí với các đề tài cụ thể như: Bát âm (gồm 8 bức), vật làng Sinh và trò chơi dân gian (gồm 9 bức), tranh thời vụ (gồm 4 bức); phụ nữ (gồm 6 bức), thiếu nữ (gồm 6 bức);

- Về *đầu ra và chất lượng*, tranh làng Sinh vươn ra với thị trường các tỉnh trên khắp dải đất miền Trung nên số lượng sản phẩm cũng ngày càng gia tăng.

- Về *lực lượng sáng tác và không gian sản xuất*, trước đây là tranh dân gian nhưng ngày nay sản phẩm tranh làng Sinh lại có tên tác giả cụ thể, và bây giờ, việc sản xuất tranh làng Sinh không còn được gói gọn trong không gian làng mà đã vượt hẳn ra khỏi khu vực đó với máy móc và phẩm màu công nghiệp hiện đại [3].

Từ những biến đổi của tranh dân gian làng Sinh trong giai đoạn hiện nay có thể đưa tới những nhận định: Dù xã hội thay đổi nhưng nhu cầu và niềm tin tâm linh của người dân vẫn còn được bảo lưu. Sự biến động của thời cuộc dẫn tới sự rút ngắn các công đoạn sản xuất tranh, hồn tranh xưa đã không còn nguyên vẹn nữa. Sự xuất hiện của các phương pháp sản xuất mới cùng những quy trình sản xuất hiện đại làm cho cái chức năng và nội dung truyền tải của tranh làng Sinh bị giảm đi phần nhiều; Tranh làng Sinh với những sáng tạo không ngừng của các nghệ nhân sẽ ngày càng phát triển, nhưng làm thế nào để sự phát triển đó không lấn át cái truyền thống sẽ là câu hỏi và là vấn đề trọng yếu cần được lưu tâm.

5. KẾT LUẬN

Tranh làng Sinh chứa đựng một giá trị hiện thực sinh động. Nó thể hiện sức sống mạnh mẽ lâu bền. Tuy tranh làng Sinh dùng cho thờ cúng là chủ yếu nhưng những điều được diễn tả trong tranh rất đời thân quen, gần gũi với cuộc sống con người.

Tranh làng Sinh ngày nay tuy vẫn giữ những chủ đề, nội dung và những yếu tố tạo hình không có gì khác xưa nhưng dưới những tác động của xã hội, của cuộc sống, của nhu cầu con người đã tạo nên cái khác biệt trong tranh. Những loại phẩm màu hóa chất, những bức tranh được rập khuôn máy móc đã làm mất đi một phần quan trọng của giá trị thẩm mỹ trên một dòng tranh dân gian cổ xưa. Các hình trong tranh cũng vì thế mà mất đi vẻ dân dã thôn quê và làm xa lạ với người dân lao động. Chính vì thế, để lưu giữ giá trị tranh dân gian làng Sinh, việc cần thiết nhất là làm sao nghề tranh này đến được với các thế hệ đi sau, để bảo lưu và phát triển không chỉ riêng vài hộ dân mà đối với toàn thể các hộ dân trong làng. Có như vậy thì tranh dân gian làng Sinh mới tồn tại và phát triển lâu bền và đó cũng chính là sinh lộ lẫn cơ hội để một làng nghề “sống tốt”, “sống khỏe” trước những đổi thay, tác động của xã hội đương đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] N. T. T. Nga, N. P. B. Đàn, T. N. K. Trang và L. C. X. Minh, *Nghề tranh làng Sinh*, Đề tài nghiên cứu thuộc Chương trình Nghiên cứu - Suu tầm - Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể, Bộ VH, TT - Viện VH, TT - Phân viện Nghiên cứu Văn hóa - Thông tin tại Huế, 2002.
- [2] L. T. Quốc, “Nghề thủ công gắn liền với đời sống văn hóa tín ngưỡng: trường hợp tranh làng Sinh và hoa giấy Thanh Tiên”, trong Hội thảo khoa học *Nghề và làng nghề truyền thống Huế hướng tới Festival Nghề truyền thống*, Phân viện Văn hóa nghệ thuật Việt Nam tại Huế - UBND Thành phố Huế, 2013.
- [3] D. T. Nhung, “*Tranh làng Sinh trong đời sống văn hóa tín ngưỡng người dân Huế*”, Luận văn Thạc sỹ Việt Nam học, Khoa Việt Nam học, Đại học Sư Phạm Hà Nội, 2014.